



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

3400178402

ngày 9 tháng 3 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 6 tháng 5 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Sơn
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Đình Toại
Ông Phạm Duy Hưng
Ông Lê Trung Thành

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 23 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hiền
Ông Bùi Đức Anh
Ông Lê Tuấn Dũng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến 25 tháng 1 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo
Huyện Tuy Phong
Tỉnh Bình Thuận
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty đính kèm cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Thuận, ngày 7 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-532




Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		268.658.852.059	287.173.013.794
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	156.448.768.524	203.177.467.253
Tiền	111		2.648.768.524	1.277.467.253
Các khoản tương đương tiền	112		153.800.000.000	201.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.487.994.873	49.731.067.623
Phải thu của khách hàng	131	5	45.084.391.888	42.939.992.083
Trả trước cho người bán	132		13.234.003.525	5.144.369.194
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	1.177.189.166	2.063.119.018
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	8	(7.589.706)	(416.412.672)
Hàng tồn kho	140	9	51.358.694.835	33.889.742.073
Hàng tồn kho	141		51.497.440.357	38.526.883.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(138.745.522)	(4.637.141.485)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.363.393.827	374.736.845
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.363.393.827	374.736.845
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		359.784.998.848	378.183.374.630
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.413.375.049	9.404.105.672
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	11.100.000.000	6.300.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	4.313.375.049	3.104.105.672
Tài sản cố định	220		282.310.598.940	312.571.751.272
Tài sản cố định hữu hình	221	10	198.810.385.276	226.136.770.374
Nguyên giá	222		336.690.461.449	335.857.444.566
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.880.076.173)	(109.720.674.192)
Tài sản cố định vô hình	227	11	83.500.213.664	86.434.980.898
Nguyên giá	228		91.079.915.068	91.492.667.256
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.579.701.404)	(5.057.686.358)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.636.018.361	1.303.915.691
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.636.018.361	1.303.915.691
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	47.589.598.188	47.589.598.188
Đầu tư vào công ty con	251		47.589.598.188	47.589.598.188
Tài sản dài hạn khác	260		11.835.408.310	7.314.003.807
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	6.909.023.388	2.218.481.985
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	4.926.384.922	5.095.521.822
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		628.443.850.907	665.356.388.424

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		231.612.213.881	386.113.305.847
Nợ ngắn hạn	310		155.420.803.499	245.291.104.103
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	70.218.917.699	96.644.567.330
Người mua trả tiền trước	312		1.941.066.767	1.780.666.533
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	10.852.372.711	4.096.054.528
Chi phí phải trả	315	18	43.626.352.838	49.220.362.656
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	909.798.733	1.475.283.011
Vay ngắn hạn	320	20(a)	27.115.584.735	91.317.460.029
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		756.710.016	756.710.016
Nợ dài hạn	330		76.191.410.382	140.822.201.744
Phải trả người bán dài hạn	331	16	58.037.628.000	63.148.723.000
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	16.699.996.007	16.809.517.784
Vay dài hạn	338	20(b)	-	59.001.675.710
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.453.786.375	1.862.285.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	21	396.831.637.026	279.243.082.577
Vốn chủ sở hữu	410	21	396.831.637.026	279.243.082.577
Vốn cổ phần	411	22	131.000.000.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	14.208.000.000	14.208.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	1.756.439.018	1.756.439.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		249.867.198.008	132.278.643.559
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		132.278.643.559	24.514.215.282
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		117.588.554.449	107.764.428.277
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		628.443.850.907	665.356.388.424

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Thụy My
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	793.851.948.652	755.530.204.595
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	29.681.633.062	26.589.393.761
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	764.170.315.590	728.940.810.834
Giá vốn hàng bán	11	26	421.394.405.824	423.927.060.214
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		342.775.909.766	305.013.750.620
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.983.491.543	6.970.993.805
Chi phí tài chính	22	28	5.021.709.269	11.970.119.593
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.021.371.419	11.925.723.730
Chi phí bán hàng	25	29	181.362.925.106	166.180.005.199
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	26.740.992.841	16.081.124.159
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		137.633.774.093	117.753.495.474
Thu nhập khác	31		304.993.904	172.535.157
Chi phí khác	32		181.087.078	430.251.128
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		123.906.826	(257.715.971)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		137.757.680.919	117.495.779.503
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	32	19.999.989.570	10.488.280.097
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN – hoãn lại	52	32	169.136.900	(756.928.871)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		117.588.554.449	107.764.428.277

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Lê Thụy My
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	137.757.680.919	117.495.779.503
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	33.826.163.151	31.703.961.495
Các khoản dự phòng	03	10.625.970	5.707.955.306
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.935.570.509)	(6.250.643.635)
Chi phí lãi vay	06	5.021.371.419	11.925.723.730
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	168.680.270.950	160.582.776.399
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(9.545.073.436)	(12.044.256.253)
Biến động hàng tồn kho	10	(17.911.577.607)	(5.353.985.063)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(32.857.586.766)	21.947.359.803
Biến động chi phí trả trước	12	(426.959.393)	1.799.787.673
		107.939.073.748	166.931.682.559
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.420.440.819)	(10.589.205.648)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.474.959.313)	(9.430.547.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	89.043.673.616	146.911.928.974
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.352.975.704)	(13.665.231.529)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.091.409	12.727.267
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(62.400.000.000)	(1.046.201.000.000)
Tiền chi cho vay	23	(4.800.000.000)	(2.800.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	62.400.000.000	1.046.201.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.583.062.954	6.131.665.768
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(12.568.821.341)	(10.320.838.494)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

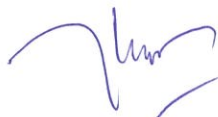
Mã số	2017 VND	2016 VND
----------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

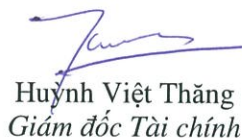
Tiền thu từ đi vay	33	155.050.575.851	234.465.195.484
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(278.254.126.855)	(278.380.302.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(123.203.551.004)	(43.915.106.562)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(46.728.698.729)	92.675.983.918
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	203.177.467.253	110.501.483.335
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	156.448.768.524	203.177.467.253

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Lê Thụy My
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chínhNguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn, nước khoáng và sản xuất bao bì nhựa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 378 nhân viên (1/1/2017: 372 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 5 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iv) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 30 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và lãi từ các khoản cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	-	16.284.955
Tiền gửi ngân hàng	2.648.768.524	1.261.182.298
Các khoản tương đương tiền	153.800.000.000	201.900.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	156.448.768.524	203.177.467.253

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc 3 tháng hoặc thấp hơn kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	40.235.273.390	38.631.849.379
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	2.400.002	-

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ một công ty con	11.100.000.000	6.300.000.000

Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty con không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5% một năm. Khoản vay này đáo hạn vào năm 2030. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của thỏa thuận vay.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	349.284.444	619.090.833
Phải thu khác	827.904.722	1.444.028.185
	1.177.189.166	2.063.119.018

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản ký quỹ dài hạn	3.052.436.791	2.497.936.791
Lãi dự thu từ một công ty con vay	1.260.938.258	606.168.881
	4.313.375.049	3.104.105.672

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng phải thu khó đòi

Số ngày quá hạn	31/12/2017		Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND			Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
0 – 30 ngày	17.733.633.220	-	17.733.633.220	13.056.757.466	-	13.056.757.466
31 – 180 ngày	4.460.309	-	4.460.309	147.240.994	-	147.240.994
181 – 365 ngày	-	-	-	15.179.401	(4.553.821)	10.625.580
Trên 365 ngày	15.179.401	(7.589.706)	7.589.695	444.677.065	(411.858.851)	32.818.214
	17.753.272.930	(7.589.706)	17.745.683.224	13.663.854.926	(416.412.672)	13.247.442.254
Dự phòng phải thu khó đòi		(7.589.706)			(416.412.672)	

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.643.239.998	-	41.179.573	-
Nguyên vật liệu	18.697.245.751	(130.503.437)	15.210.657.634	(2.926.050.551)
Công cụ và dụng cụ	21.445.800.920	-	19.697.864.044	-
Thành phẩm	5.643.576.426	(8.242.085)	2.797.113.447	(1.711.090.934)
Hàng hóa	67.577.262	-	780.068.860	-
	51.497.440.357	(138.745.522)	38.526.883.558	(4.637.141.485)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	4.637.141.485	230.790.197
Tăng dự phòng trong năm	673.871.642	5.922.588.178
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.941.020.808)	(1.491.587.174)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(231.246.797)	(24.649.716)
Số dư cuối năm	138.745.522	4.637.141.485

Bao gồm trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 138 triệu VND (1/1/2017: 4.637 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	98.687.192.987	3.940.566.390	228.041.179.759	5.188.505.430	335.857.444.566
Tăng trong năm	139.774.241	38.015.454	101.767.444	-	279.557.139
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.944.655.425	-	228.981.045	-	3.173.636.470
Thanh lý	-	(45.272.726)	-	-	(45.272.726)
Xóa sổ	(2.357.977.674)	(216.926.326)	-	-	(2.574.904.000)
Số dư cuối năm	99.413.644.979	3.716.382.792	228.371.928.248	5.188.505.430	336.690.461.449
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.433.685.433	1.584.771.819	77.722.644.720	2.979.572.220	109.720.674.192
Khấu hao trong năm	7.208.719.373	663.352.113	22.397.074.693	503.899.186	30.773.045.365
Thanh lý	-	(45.272.726)	-	-	(45.272.726)
Xóa sổ	(2.357.977.674)	(210.392.984)	-	-	(2.568.370.658)
Số dư cuối năm	32.284.427.132	1.992.458.222	100.119.719.413	3.483.471.406	137.880.076.173
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	71.253.507.554	2.355.794.571	150.318.535.039	2.208.933.210	226.136.770.374
Số dư cuối năm	67.129.217.847	1.723.924.570	128.252.208.835	1.705.034.024	198.810.385.276

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 25.006 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2016: 24.242 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không có tài sản cố định hữu hình nào của Công ty (1/1/2017: 137.750 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Quyền khai thác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.207.749.720	1.231.204.240	500.000.000	80.553.713.296	91.492.667.256
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	-	-	-	145.364.052	145.364.052
Xóa sổ	-	(558.116.240)	-	-	(558.116.240)
Số dư cuối năm	9.207.749.720	673.088.000	500.000.000	80.699.077.348	91.079.915.068
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	757.812.640	1.027.302.489	120.833.335	3.151.737.894	5.057.686.358
Khấu hao trong năm	211.653.802	60.647.400	50.000.000	2.730.816.584	3.053.117.786
Xóa sổ	-	(531.102.740)	-	-	(531.102.740)
Số dư cuối năm	969.466.442	556.847.149	170.833.335	5.882.554.478	7.579.701.404
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.449.937.080	203.901.751	379.166.665	77.401.975.402	86.434.980.898
Số dư cuối năm	8.238.283.278	116.240.851	329.166.665	74.816.522.870	83.500.213.664

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 489 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND
Số dư đầu năm	1.303.915.691
Tăng trong năm	9.903.342.184
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.173.636.470)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(145.364.052)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.252.238.992)
Số dư cuối năm	2.636.018.361

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà cửa	2.156.309.330	411.101.293
Máy móc và thiết bị	469.829.031	892.814.398
Khác	9.880.000	-
	2.636.018.361	1.303.915.691

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư vào công ty con	47.589.598.188	47.589.598.188

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017 và 1/1/2017	
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	2.299.954	99,99%	47.589.598.188

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu tiên vào ngày 8 tháng 8 năm 2006. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha là sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty không có khoản dự phòng giảm giá nào cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ 2017 VND
Số dư đầu năm	2.218.481.985
Tăng trong năm	1.502.015.002
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.252.238.992
Phân bổ trong năm	(1.892.515.875)
Thanh lý	(171.196.716)
Số dư cuối năm	6.909.023.388

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí kho vận phải trả	1.193.902.453	1.244.663.513
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	2.466.380.451	2.692.187.420
Chiết khấu thương mại phải trả	1.211.050.547	986.348.591
Chi phí phải trả khác	55.051.471	172.322.298
	4.926.384.922	5.095.521.822

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	70.218.917.699	70.218.917.699	96.644.567.330	96.644.567.330
Dài hạn	58.037.628.000	58.037.628.000	63.148.723.000	63.148.723.000

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	19.654.007.992	40.873.126.994
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	46.986.001	-
Các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	15.134.979.166	10.542.114.951
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	11.658.192.547	8.587.355.344
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	834.643.095	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	65.322.274	-

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ của công ty mẹ, công ty con và các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Đã nộp/hoàn lại VND	Khấu trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.261.529.342	76.606.132.529	(22.893.248.305)	(54.582.749.030)	391.664.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.962.364.129	19.999.989.570	(12.474.959.313)	-	9.487.394.386
Thuế thu nhập cá nhân	69.865.060	175.073.350	(203.296.618)	-	41.641.792
Các loại thuế khác	802.295.997	10.795.104.001	(10.665.728.001)	-	931.671.997
	4.096.054.528	107.576.299.450	(46.237.232.237)	(54.582.749.030)	10.852.372.711

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	16.988.151.416	19.141.041.027
Chi phí kho vận	8.223.465.947	8.849.367.316
Thưởng và lương tháng 13	2.603.263.927	2.712.103.096
Chiết khấu thương mại	8.341.580.092	7.012.787.709
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.342.082.276	388.403.454
Chi phí lãi vay	161.481.323	1.560.550.723
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	1.379.210.172	4.421.098.343
Chi phí khác	4.587.117.685	5.135.010.988
	43.626.352.838	49.220.362.656

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	12.040.750	11.849.525
Ký quỹ ngắn hạn	-	485.619.120
Các khoản phải trả khác	897.757.983	977.814.366
	909.798.733	1.475.283.011

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ký quỹ vô bình và kết (*)	16.699.996.007	16.121.564.169
Ký quỹ dài hạn khác	-	687.953.615
	16.699.996.007	16.809.517.784

(*) Đây là khoản ký quỹ dài hạn nhận được từ nhà phân phối và khách hàng vô bình và kết. Các khoản này sẽ được hoàn lại khi chấm dứt hợp đồng phân phối hoặc khi vô bình và kết được trả lại cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	62.517.460.029	62.517.460.029	155.050.575.851	(190.452.451.145)	27.115.584.735	27.115.584.735
Vay dài hạn đến hạn trả	28.800.000.000	28.800.000.000	-	(28.800.000.000)	-	-
	91.317.460.029	91.317.460.029	155.050.575.851	(219.252.451.145)	27.115.584.735	27.115.584.735

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	5,1% - 5,5%	27.115.584.735	62.517.460.029

Một phần khoản vay ngân hàng được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	-	87.801.675.710
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	-	(28.800.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	-	59.001.675.710

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	7,0% - 7,5%	2019	-	87.801.675.710

Trong năm, các khoản vay dài hạn có đảm bảo đã được hoàn trả đầy đủ trước ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	24.514.215.282	171.478.654.300
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	107.764.428.277	107.764.428.277
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	132.278.643.559	279.243.082.577
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	117.588.554.449	117.588.554.449
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	249.867.198.008	396.831.637.026

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	14.208.000.000	-	14.208.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	2.645.729.400	6.460.770.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	1.561.300.000	1.721.215.000
	4.207.029.400	8.181.985.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.536.779.972	5.093.471.717
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.065.327.922	369.295.141
	5.602.107.894	5.462.766.858

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	685.087.115.311	652.728.845.322
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	108.764.833.341	102.801.359.273
	793.851.948.652	755.530.204.595
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	29.120.885.318	24.576.447.936
▪ Hàng bán bị trả lại	560.747.744	2.012.945.825
	29.681.633.062	26.589.393.761
Doanh thu thuần	764.170.315.590	728.940.810.834

26. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	377.997.103.282	376.414.483.028
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	42.954.677.697	41.614.638.724
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	442.624.845	5.897.938.462
	421.394.405.824	423.927.060.214

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.313.256.565	6.531.884.934
Thu nhập lãi từ khoản cho một công ty con vay	654.769.377	423.669.571
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.465.601	15.439.300
	7.983.491.543	6.970.993.805

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	5.021.371.419	11.925.723.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá	337.850	44.395.863
	5.021.709.269	11.970.119.593

29. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	58.150.851.399	47.854.393.913
Chi phí kho vận	77.809.426.722	80.741.443.506
Chi phí nhân viên	4.510.604.562	3.877.990.940
Chi phí trưng bày	8.941.182.404	1.969.632.094
Chi phí nghiên cứu thị trường	281.116.900	1.042.500.000
Phí quản lý	26.520.322.127	26.774.311.558
Chi phí bán hàng khác	5.149.420.992	3.919.733.188
	181.362.925.106	166.180.005.199

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	4.908.195.659	5.824.524.779
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	190.077.623	343.924.124
Chi phí nghiên cứu và phát triển	26.236.125	50.224.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	936.954.650	986.408.568
Chi phí dịch vụ quản lý	16.532.755.501	4.675.100.450
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.146.773.283	4.200.941.597
	26.740.992.841	16.081.124.159

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	276.222.638.283	282.358.715.366
Chi phí nhân viên	36.118.884.658	36.825.728.451
Chi phí khấu hao	33.826.163.151	31.703.961.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.497.002.331	200.882.362.581
Chi phí khác	20.833.635.348	54.417.421.679

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	19.999.989.570	10.488.280.097
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.076.608.350	651.261.968
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.907.471.450)	(1.408.190.839)
	169.136.900	(756.928.871)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.169.126.470	9.731.351.226

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	137.757.680.919	117.495.779.503
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.551.536.184	23.499.155.901
Chi phí không được khấu trừ thuế	306.711.227	344.754.152
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.907.471.450)	(1.408.190.839)
Ưu đãi thuế cho dự án đầu tư mở rộng	(5.781.649.491)	(12.704.367.988)
	20.169.126.470	9.731.351.226

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất thông thường là 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016: 20%).

Ngoài ra, Công ty có dự án mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế; và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh với các bên liên quan và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Hàng				
tiêu dùng Masan				
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	754.531.022	22.863.369	-	-
▪ Mua nguyên vật liệu	17.204.949.200	21.437.933.775	-	(3.259.383.364)
▪ Mua hàng hóa	39.940.054	-	-	-
▪ Phí hỗ trợ quản lý	41.389.312.688	34.194.312.391	(19.654.007.992)	(37.613.743.630)
Các bên liên quan				
Công ty TNHH Một				
Thành viên Công nghiệp				
Masan				
▪ Bán hàng hóa	1.203.380.297	253.902.633	-	-
▪ Mua nguyên vật liệu	18.813.765.521	18.845.922.186	(11.658.192.547)	(8.587.355.344)
▪ Phí hỗ trợ quản lý	2.230.133.361	-	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Công nghệ				
Thực phẩm Việt Tiến				
▪ Bán hàng hóa	23.634.160	108.034.500	-	-
▪ Mua tài sản cố định	8.205.613	-	-	-
▪ Sử dụng dịch vụ	24.670.290.356	18.195.015.103	(15.134.979.166)	(10.542.114.951)
▪ Phí hỗ trợ quản lý	1.530.626.356	-	-	-
Công ty Cổ phần				
VinaCafé Biên Hòa				
▪ Cung cấp dịch vụ	88.482.480.192	90.376.154.736	18.029.103.840	20.992.292.640
▪ Bán thành phẩm	151.529.434.461	150.422.632.359	22.206.169.550	17.639.556.739
▪ Mua hàng hóa	1.213.067.402	2.752.739.338	(834.643.095)	-
Công ty Cổ phần				
Thương mại Dịch vụ và				
Sản xuất Krôngpha				
▪ Sử dụng dịch vụ	209.826.823	189.774.094	(46.986.001)	-
▪ Khoản vay đã cấp	4.800.000.000	2.800.000.000	11.100.000.000	6.300.000.000
▪ Thu nhập lãi phải thu	654.769.377	423.669.571	1.260.938.258	606.168.881

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo thời hạn bình thường.

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Thụy My
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

042-0
NHÂN
TY T
PMG
HỒ C

